

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN SARA**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Kèm theo

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Được kiểm toán bởi:

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI**  
**Số 3 - Ngõ 1295 – đường Giải Phóng – Hoàng Mai - Hà Nội**  
**Tel: (04) 39 745 081/82 Fax: (04) 39 745 083**

*Hà Nội, Tháng 04 năm 2010*

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

<b>Nội dung</b>	<b>Trang số</b>
Báo cáo của Ban Giám đốc	2-4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5 – 7
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2009	8 – 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2009	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2009	11-12
Thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2009	13 – 33

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

### **1. Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần SARA tiền thân là Công ty Cổ phần đào tạo và Phát triển Công nghệ thông tin Quốc gia, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703000128, ngày 06 tháng 06 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp. Kể từ ngày cấp đó, Công ty đã thay đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh nhiều lần. Lần thay đổi gần nhất tính đến thời điểm kiểm toán là lần thay đổi thứ 14 vào ngày 06 tháng 07 năm 2009 với số đăng ký mới theo mã số thuế 2900556890, theo đó:

Vốn điều lệ của Công ty là: **85.000.000.000 đồng - ( Tám lăm tỷ đồng chẵn)**

### **Danh sách cổ đông sáng lập:**

<b>TT</b>	<b>Tên cổ đông</b>	<b>Số cổ phần</b>
1	Trần Khắc Hùng	4.335.000
2	Đình Văn Cường	20.000

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Duy Sơn – Chức danh Tổng Giám đốc.

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần.

Danh sách chốt cổ đông ngày 30 tháng 09 năm 2009 do Trung tâm lưu ký chứng khoán cung cấp thì số cổ phần thực tế là 56.500.000 cổ phần tương đương 56.500.000.000 đồng. Do vậy số tiền còn thiếu so với vốn điều lệ là 28.500.000.000 đồng. Cổ đông sáng lập, Ông Trần Khắc Hùng còn nắm giữ 1.930.000 cổ phần thay vì 4.335.000 cổ phần như trong vốn điều lệ.

### **Trụ sở hoạt động:**

Trụ sở chính tại: Km số 2 – Đại lộ Lê Nin, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Chi nhánh Khách Sạn SARA Thành Vinh: Km số 2, Đại lộ Lê Nin, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Chi nhánh SARA-Hitech: Km số 2, Đại lộ Lê Nin, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

### **Ngành nghề kinh doanh:**

- Đào tạo và phát triển công nghệ thông tin, ngoại ngữ; Liên kết đào tạo với các tổ chức có chức năng;
- Sản xuất phần mềm tin học;
- Tư vấn du học, hướng nghiệp; kinh doanh bất động sản;
- Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ ăn uống đầy đủ; Dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế;
- Vận tải hành khách đường bộ; cho thuê xe ô tô;  
Lắp đặt, cung cấp, sửa chữa các loại máy văn phòng, máy vi tính và các thiết bị ngoại vi;

- Kinh doanh dịch vụ thể thao; hoạt động của các đội và câu lạc bộ bóng đá;
- Sản xuất mua bán nước uống tinh khiết;
- Kinh doanh vận tải hành khách bằng taxi;
- Dịch vụ quảng cáo thương mại;
- Dịch vụ đào tạo người dẫn chương trình, người mẫu;
- Dịch vụ hoạt động biểu diễn văn hóa nghệ thuật;
- Thiết kế tạo mẫu thời trang;
- Sản xuất chương trình quảng cáo;
- Dịch vụ tư vấn dự thi hoa hậu, người mẫu;
- Xây dựng các công trình; dân dụng, giao thông và thủy lợi, điện năng (đường dây và trạm biến áp, hệ thống điện chiếu sáng, điện dân dụng, điện công nghiệp);
- Kinh doanh dịch vụ bảo vệ;
- Đào tạo bảo vệ, vệ sỹ;
- Đầu tư xây dựng và cho thuê nhà ở, văn phòng làm việc;
- Hoạt động môi giới tuyển dụng lao động.

## **2. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát:**

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm tài chính 2009 bao gồm:

### ***Hội đồng Quản trị***

- |                       |               |
|-----------------------|---------------|
| • Ông Trần Khắc Hùng  | Chủ tịch HĐQT |
| • Ông Nguyễn Văn Đính | Ủy viên HĐQT  |
| • Ông Lê Văn Hạnh     | Ủy viên HĐQT  |
| • Ông Thái Sỹ Oai     | Ủy viên HĐQT  |
| • Ông Trần Khắc Lới   | Ủy viên HĐQT  |

### ***Ban Giám đốc***

- |                       |                   |
|-----------------------|-------------------|
| • Ông Vũ Duy Sơn      | Tổng Giám đốc     |
| • Ông Thái Sỹ Oai     | Phó Tổng giám đốc |
| • Ông Nguyễn Văn Đính | Phó Tổng giám đốc |
| • Ông Trần Khắc Hùng  | Phó Tổng giám đốc |

### ***Ban kiểm soát:***

- |                         |            |
|-------------------------|------------|
| • Bà Trần Thị Hồng Thái | Trưởng ban |
| • Ông Nguyễn Bình Mạnh  | Ủy viên    |
| • Bà Phan Thị Kim Oanh  | Ủy viên    |

**3. Kiểm toán viên:** Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA Hà Nội) là đơn vị được bổ nhiệm làm kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2009 cho Công ty Cổ phần SARA

**Tại Báo cáo này chúng tôi xin khẳng định những vấn đề sau đây:**

- Ban giám đốc công ty chịu trách nhiệm trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý.
- Chúng tôi đã cung cấp toàn bộ các tài liệu kế toán cần thiết cho các Kiểm toán viên và chịu trách nhiệm về tính trung thực của các tài liệu đã cung cấp.
- Việc thiết lập và duy trì một hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ có hiệu lực, để thực thi công việc quản lý là thuộc trách nhiệm của Ban giám đốc.
- Báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực về tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm 31/12/2009, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.
- Báo cáo tài chính đã được lập phù hợp với các Chính sách kế toán trình bày trong bản Thuyết minh Báo cáo tài chính và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan.
- Kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày lập Báo cáo, sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ có ảnh hưởng đến báo cáo là:
  - Các thủ tục chưa đầy đủ về các khoản đầu tư tài chính cũng như việc đánh giá lại các khoản đầu tư dài hạn khác.
  - Chúng tôi cũng xin cam kết về việc xin ý kiến đối với các khoản đầu tư dài hạn trong lần đại hội cổ đông năm 2009 tổ chức tại Vinh vào tháng 5 năm 2010.
- Chúng tôi khẳng định rằng Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong các năm tài chính tiếp theo.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính của HĐQT**

**Chủ tịch HĐQT**

**Thay mặt Ban giám đốc**

**Tổng Giám đốc**

**Trần Khắc Hùng**

**Vũ Duy Sơn**

*Ngày 31 tháng 03 năm 2010*

Hà Nội, ngày 10 tháng 05 năm 2010

Số: /CPAHANOI-BCKT

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**  
về Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2009  
của Công ty Cổ phần SARA

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN SARA**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần SARA (gọi tắt là “Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 bao gồm: Bảng Cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính như đã trình bày từ trang 13 đến trang 31 được lập theo các quy định của Chế độ kế toán Việt Nam nêu tại Thuyết minh số II, III và IV trong phần Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên**

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc từ trang 02 đến trang 04, Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý.

Trách nhiệm của chúng tôi là dựa trên kết quả kiểm toán để đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính và sau đó báo cáo với Hội Đồng Quản Trị và Ban Giám đốc của Công ty.

**Cơ sở của ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm tra theo phương pháp chọn

mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết nhằm thu thập, các bằng chứng xác minh những số liệu và thông tin được trình bày trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như phương pháp trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính.

Công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### **Giới hạn kiểm toán.**

Công ty chưa trích lập dự phòng cũng như đánh giá lại các khoản đầu tư dài hạn mà công ty đã đầu tư nhưng không có lợi nhuận cũng như chưa có khả năng thu hồi với giá trị đầu tư 20,4 tỷ đồng trên tổng giá trị đầu tư 29,732 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 69% (*chi tiết xem thuyết minh số 08 trong phần thuyết minh Báo cáo tài chính*).

Công ty đã ghi nhận doanh thu liên kết đào tạo MBA ký ngày 31 tháng 12 năm 2009 ký kết giữa Công ty với FREDERICK TAYLOR UNIVERSITY vào doanh thu năm 2009 với giá trị 943 triệu đồng tuy nhiên thời điểm khai giảng khoá học này được tổ chức tại Hà Nội và Vinh vào tháng 5 năm 2010.

Công ty chưa đối chiếu, xác nhận các khoản công nợ phải thu (**Tài khoản 131** số tiền: **1.778.596.912 VND** chiếm tỷ trọng **50%** trên số dư nợ **3.576.521.600 VND**, **Tài khoản 138** số tiền **1.628.066.644 VND** chiếm tỷ trọng **80%** trên số dư nợ **2.026.829.844 VND** và **Tài khoản 141** số dư nợ **2.370.289.817 VND**) và phải trả (**Tài khoản 331** số dư có **2.565.724.884 VND**, **Tài khoản 338** số dư có **977.480.228 VND**) tại thời điểm 31/12/2009. Chúng tôi đã đề nghị công ty gửi thư xác nhận theo mẫu của Chúng tôi cung cấp, nhưng tại thời điểm kiểm toán chúng tôi chưa được cung cấp lại cũng như việc trình bày các khoản công nợ của công ty làm cho chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về các khoản công nợ này cũng như ảnh hưởng của nó đến các khoản mục khác được trình bày trên báo cáo tài chính của đơn vị tại thời điểm 31/12/2009.

### **Lưu ý đối với người sử dụng thông tin báo cáo tài chính.**

Đối với dự án đầu tư: Trường Cao Đẳng Công nghệ Lào Việt tại Bản Xay Xá Vàng – Huyện Xay Tha Ny – Thủ đô Viêng chăn Lào, Công ty chưa có dự toán chi tiết cho tổng mức vốn **1.274.800 USD** và vốn đăng ký là **400.000 USD** như trong giấy chứng nhận đầu tư số 004-09/KĐ/ĐT3 do Bộ Trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Lào ký ngày 13 tháng 01 năm 2009 tại Viêng chăn.

Công ty đang được miễn giảm tiền thuê đất đối với đất trường học, năm 2009 Công ty xin chuyển đổi mục đích sử dụng đất đối với nhà nghỉ sara nằm trong

đất trường học sara thành khách sạn SARA Thành Vinh, do vậy Công ty sẽ chịu một khoản tiền thuê đất này khi chuyển đổi theo quy định.

Công ty chưa góp đủ vốn điều lệ theo giấy phép kinh doanh số 2703000128, ngày 06 tháng 06 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp và thay đổi lần 12 ngày 03 tháng 12 năm 2009.

### **Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi ngoại trừ ảnh hưởng nếu có của giới hạn kiểm toán đã nêu trên, xét trên khía cạnh trọng yếu thì Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần SARA cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 đã:

- (a) Phản ánh trung thực và hợp lý trên khía cạnh trọng yếu về tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm 31/12/2009 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày;
- (b) Báo cáo tài chính lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán hiện hành của Việt Nam cũng như quy định pháp lý về kế toán có liên quan.

Báo cáo kiểm toán được lập thành 06 bản tiếng Việt, các bản có giá trị pháp lý như nhau. Công ty Cổ phần SARA giữ 04 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội giữ 02 bản.

**Công ty Kiểm toán và Kế toán Hà Nội**

**Kiểm toán viên**

**Tổng Giám đốc**

**Lê Văn Dò**

*Chứng chỉ kiểm toán viên  
số: 0231 /KTV*

**Nguyễn Ngọc Tĩnh**

*Chứng chỉ kiểm toán viên  
số: 0132/KTV*



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>17,499,058,655</b>	<b>16.560.359.892</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>554,206,362</b>	<b>1.816.032.266</b>
1. Tiền	111	1	554,206,362	1.816.032.266
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>2</b>	<b>1.121.800.000</b>	<b>1.121.800.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		1.121.800.000	1.121.800.000
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>12.929.467.542</b>	<b>11.843.138.741</b>
1. Phải thu khách hàng	131	3	3.576.521.600	2.367.958.321
2. Trả trước cho người bán	132		7.326.116.098	6.512.409.185
3. Các khoản phải thu khác	138	3	2.026.829.844	2.962.771.235
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>523.294.934</b>	<b>385.262.807</b>
1. Hàng tồn kho	141	4	523.294.934	385.262.807
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.370.289.817</b>	<b>1.394.126.078</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		50.203.696	
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		2.320.086.121	1.394.126.078
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>49.233.771.126</b>	<b>51.715.665.665</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>18.195.453.764</b>	<b>20.179.126.491</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5	13.239.635.199	14.553.024.297
- Nguyên giá	222		17.595.060.733	17.571.424.369
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(4.355.425.534)	(3.018.400.072)
2. Tài sản cố định vô hình	227	6	4.618.772.727	5.584.250.000
- Nguyên giá	228		6.409.272.727	6.382.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1.790.500.000)	(797.750.000)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	7	337.045.838	41.852.194
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>29.732.047.292</b>	<b>29.732.047.292</b>
1. Đầu tư dài hạn khác	258	8	29.732.047.292	29.732.047.292
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.306.270.070</b>	<b>1.804.491.882</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	1.306.270.070	1.804.491.882
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>66.732.829.781</b>	<b>68.276.025.557</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009  
 (Tiếp theo)

Đơn vị tính: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>5.394.344.854</b>	<b>5.705.765.507</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>4.360.117.596</b>	<b>3.922.728.249</b>
1. Phải trả người bán	312		2.565.724.884	1,170,597,739
2. Người mua trả tiền trước	313		646.931.421	646,352,003
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	(60.877.342)	14,789,388
4. Phải trả công nhân viên	315		226.308.405	-
5. Chi phí phải trả	316	12	4.550.000	54,545,455
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	13	977.480.228	2.036.443.664
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.034.227.258</b>	<b>1,783,037,258</b>
1. Vay và nợ dài hạn	334		1.000.000.000	1,750,000,000
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	14	34.227.258	33,037,258
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>61.338.484.927</b>	<b>62.570.260.050</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>15</b>	<b>61.136.117.415</b>	<b>62.200.647.320</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		61.087.750.000	61.087.750.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		559.272.752	565.272.752
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		517.457.821	517.457.821
4. Lợi nhuận chưa phân phối	420		(1.028.363.158)	30.166.747
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>202.367.512</b>	<b>369.612.730</b>
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		202.367.512	369.612.730
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>66.732.829.781</b>	<b>68,276,025,557</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài	V.24		
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, gia công			
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Nghệ An, ngày 31 tháng 03 năm 2010

**Kế toán trưởng**

**Tổng giám đốc**

**Lê Thị Thu Hiền**

**Vũ Duy Sơn**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
**Năm 2009**

Đơn vị tính:  
 VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	16	8.022.266.899	8,562,312,118
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10		8.022.266.899	8,562,312,118
3. Giá vốn hàng bán	11	17	3.877.005.178	2,216,192,985
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20		4.145.261.721	6,346,119,133
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	445.983.227	1,459,698,531
6. Chi phí tài chính	22	19		-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			-
7. Chi phí bán hàng	24		101.452.658	-
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5.640.235.514	6,091,162,600
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1.150.443.224)	1,714,655,064
10. Thu nhập khác	31		221.835.464	5,101,369
11. Chi phí khác	32		47.057.643	-
12. Lợi nhuận khác	40		174.777.821	5,101,369
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(975.665.403)	1,719,756,433
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	20	82.864.589	-
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.058.529.992	1,719,756,433
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu			(173)	304

Nghệ An, ngày 31 tháng 03 năm 2010  
**Tổng giám đốc**

**Kế toán trưởng**

**Lê Thị Thu Hiền**

**Vũ Duy Sơn**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
**Năm 2009**

*Đơn vị tính: VNĐ*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>(975.665.403)</b>	<b>1.719.756.433</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao TSCĐ	2		1.337.025.462	1,789,736,385
- Các khoản dự phòng	03			
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04			
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05			
- Chi phí lãi vay	06			
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>361.360.059</b>	<b>3.509.492.818</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		2.022.270.192	6.054.283.129
1. Phải thu khách hàng			1.208.563.279	9.246.562.003
2. Trả trước cho người bán			813.706.913	276.641.701
3. Phải thu nội bộ			-	
5. Các khoản phải thu khác			-	(3.468.920.575)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		138.032.127	(750.583.799)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		437.389.347	(2.718.336.776)
1. Vay và nợ ngắn hạn			-	
2. Phải trả người bán			1.395.127.145	474.204.633
3. Người mua trả tiền trước			579.418	216.447.003
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước			(75.666.730)	(1.675.212.711)
5. Phải trả công nhân viên			226.308.405	(167.653.900)
6. Chi phí phải trả			(49.995.455)	54.545.455
7. Phải trả nội bộ			-	
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác			(1.058.963.436)	(1.620.667.256)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(49.995.455)	54.545.455
- Tiền lãi vay đã trả	13		-	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(75.666.730)	(1.675.212.711)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15			
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16			
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>2.883.384.995</b>	<b>4.419.642.661</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	6,7, 8,11	(502.146.150)	756.689.627

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
**Năm 2009**

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			4,277,251
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			( 9,750,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			776.784.604
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		398.763.200	325,080,637
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(103.382.950)</b>	<b>(7.887.167.881)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	21		
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của DN đã phát hành	32	21	(3.291.827.949)	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(750.000.000)	(1.000.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	21		1.187.177.100
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(4.041.827.949)</b>	<b>187.177.100</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(1.261.825.904)</b>	<b>( 3.280.348.120 )</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>1.816.032.266</b>	<b>5.096.380.386</b>
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61			
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>29</b>	<b>554.206.362</b>	<b>1.816.032.266</b>

Nghệ An, Ngày 31 tháng 03 năm 2010

Kế toán trưởng

Giám đốc

Lê Thị Thu Hiền

Vũ Duy Sơn

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### Năm 2009

#### I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

##### I. Khái quát chung

Công ty Cổ phần SARA ("Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần đào tạo và Phát triển Công nghệ thông tin Quốc gia, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703000128, ngày 06 tháng 06 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp. Kể từ ngày cấp đó, Công ty đã thay đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh nhiều lần. Lần thay đổi gần nhất tính đến thời điểm kiểm toán là lần thay đổi thứ 14 vào ngày 06 tháng 07 năm 2009, theo đó:

Vốn điều lệ của Công ty là: **85.000.000.000 đồng - ( Tám lăm tỷ đồng chẵn)**

##### Danh sách cổ đông sáng lập:

TT	Tên cổ đông	Số cổ phần
1	Trần Khắc Hùng	4.335.000
2	Đình Văn Cường	20.000

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Duy Sơn – Chức danh Tổng Giám đốc.

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần.

Danh sách chốt cổ đông ngày 20 tháng 03 năm 2009 do Trung tâm lưu ký chứng khoán cung cấp thì số cổ phần thực tế là 56.500.000 cổ phần tương đương 56.500.000.000 đồng. Do vậy số tiền còn thiếu so với vốn điều lệ là 28.500.000.000 đồng. Cổ đông sáng lập, Ông Trần Khắc Hùng còn nắm giữ **1.930.000** cổ phần thay vì 4.335.000 cổ phần như trong vốn điều lệ.

##### Trụ sở hoạt động:

Trụ sở chính tại: Km số 2 – Đại lộ Lê Nin, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Chi nhánh Khách Sạn SARA Thành Vinh: Km số 2, Đại lộ Lê Nin, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Chi nhánh SARA-Hitech: Km số 2, Đại lộ Lê Nin, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

##### Ngành nghề kinh doanh:

- Đào tạo và phát triển công nghệ thông tin, ngoại ngữ; Liên kết đào tạo với các tổ chức có chức năng;
- Sản xuất phần mềm tin học;
- Tư vấn du học, hướng nghiệp; kinh doanh bất động sản;
- Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ ăn uống đầy đủ; Dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế;

- Vận tải hành khách đường bộ; cho thuê xe ô tô;
- Lắp đặt, cung cấp, sửa chữa các loại máy văn phòng, máy vi tính và các thiết bị ngoại vi;
- Kinh doanh dịch vụ thể thao; hoạt động của các đội và câu lạc bộ bóng đá;
- Sản xuất mua bán nước uống tinh khiết;
- Kinh doanh vận tải hành khách bằng taxi;
- Dịch vụ quảng cáo thương mại;
- Dịch vụ đào tạo người dẫn chương trình, người mẫu;
- Dịch vụ hoạt động biểu diễn văn hóa nghệ thuật;
- Thiết kế tạo mẫu thời trang;
- Sản xuất chương trình quảng cáo;
- Dịch vụ tư vấn dự thi hoa hậu, người mẫu;
- Xây dựng các công trình; dân dụng, giao thông và thủy lợi, điện năng (đường dây và trạm biến áp, hệ thống điện chiếu sáng, điện dân dụng, điện công nghiệp);
- Kinh doanh dịch vụ bảo vệ;
- Đào tạo bảo vệ, vệ sỹ;
- Đầu tư xây dựng và cho thuê nhà ở, văn phòng làm việc;
- Hoạt động môi giới tuyển dụng lao động.

## II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ SỬ DỤNG TIỀN TỆ TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

## III. CHẾ ĐỘ VÀ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Công ty thực hiện công tác kế toán theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam đã ban hành và Hệ thống kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 26/03/2006 của Bộ Tài chính và các thông tư bổ sung, sửa đổi kèm theo.
2. Hình thức kế toán áp dụng: Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán trên phần mềm máy tính.
3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam:

Chúng tôi, Công ty Cổ phần SARA tuyên bố tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam, phù hợp đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH ÁP DỤNG

### 1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền: Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền

và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo;

## **2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:**

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo. Nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng phải thu khó đòi: Công ty không trích lập dự phòng phải thu khó đòi cho năm 2008.

## **3. Nguyên tắc hạch toán hàng tồn kho.**

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho và phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:
- Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Phương pháp xác định hàng tồn kho: Giá trị tồn kho cuối kỳ = Giá trị tồn đầu kỳ + Giá trị nhập trong kỳ – Giá trị xuất trong kỳ. (Phương pháp tính giá hàng xuất kho theo phương pháp nhập bình quân của từng lô hàng).
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: theo phương pháp Kế khai thường xuyên.

## **4. Ghi nhận và khấu hao TSCĐ:**

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

TSCĐ của Công ty được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng được ghi nhận theo 3 chỉ tiêu: Nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá của TSCĐ bao gồm giá mua cộng thuế nhập khẩu, chi phí vận chuyển, lắp đặt, chạy thử và các chi phí liên quan khác để đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng;

- Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

Khấu hao TSCĐ hữu hình và vô hình được thực hiện theo phương pháp đường thẳng và theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao áp dụng phù hợp với khung thời gian khấu hao quy định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính.



<b>Loại tài sản</b>	<b>Thời gian khấu hao</b>
- Máy móc thiết bị	3 – 5 năm
- Phương tiện vận tải	7 -8 năm
- Thiết bị văn phòng	3 – 10 năm
- Nhà cửa vật kiến trúc	5-25 năm
- Tài sản cố định khác	3-5 năm

## **5. Đầu tư tài chính**

- Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc
- Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

## **6. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác:**

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo. Nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn;
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

## **7. Ghi nhận chi phí phải trả. trích trước chi phí sửa chữa lớn. trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm:**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được trích lập theo Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14/08/2003 của Bộ Tài Chính.

## **8. Ghi nhận các khoản chi phí trả trước:**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Chi phí quản lý doanh nghiệp chuyển chờ kết chuyển kỳ sau; chi phí công cụ dụng cụ phân bổ dần, chi phí ngắn hạn khác.

## 9. Nguồn vốn chủ sở hữu:

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu: Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế bằng tiền, bằng trị giá vốn góp của tài sản và bổ sung cổ phần theo hình thức chia cổ tức bằng cổ phần.

Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế

Việc trích lập các khoản dự trữ và các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được tiến hành căn cứ vào: Điều lệ Công ty, Quy chế tài chính, Quyết định của Hội đồng Quản trị, Nghị quyết của Đại hội cổ đông.

## 10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:

### 10.1 Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

**10.2 Doanh thu cung cấp dịch vụ:** được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**10.3 Doanh thu hợp đồng xây dựng** được ghi nhận theo qui định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 15 về hợp đồng xây dựng.

### 10.4 Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Có khả năng thu được từ lợi ích giao dịch đó.

## 11 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo giấy chứng nhận đầu tư số 27/UDDT-NA ngày 04 tháng 11 năm 2003 do chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An cấp thì:

- + Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế đối với hoạt động đầu tư và khai thác Khu giăng đường và ký túc xá sinh viên.
- + Công ty được miễn thuế thu nhập trong thời gian 2 năm và được giảm 50% trong thời gian 4 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế; được cấp lại thuế thu nhập trong 3 năm tiếp theo kể từ khi hết hạn miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động đầu tư và khai thác Khu giăng đường và ký túc xá sinh viên.
- + Theo tờ trình xin xác nhận thời điểm ưu đãi đầu tư ngày 24 tháng 08 năm 2007 thì Công ty được hưởng các ưu đãi đầu tư từ năm 2006. Năm nay là năm thứ 4 công ty được hưởng quy chế ưu đãi này, do đó năm 2009 công ty chịu 50% thuế suất 25% thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động đầu tư và khai thác khu giăng đường và ký túc xá sinh viên. Các hoạt động kinh doanh khác của Công ty chịu thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

- Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.
- Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.
- Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

- Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.
- Các loại thuế khác thực hiện theo qui định hiện hành

### **Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Các bên liên quan còn được hiểu theo luật doanh nghiệp và được qui định trong điều lệ công ty .

Các bên có liên quan với công ty được trình bày phần thuyết minh báo cáo tài chính mục các bên liên quan.

### **12 Các sự kiện sau ngày lập bảng cân đối kế toán.**

Các sự kiện phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán mà cung cấp những thông tin bổ sung về tình hình của Công ty tại ngày lập Bảng cân đối kế toán (các sự kiện điều chỉnh) được phản ánh trên các Báo cáo tài chính. Các sự kiện phát sinh sau mà không phải là các sự kiện điều chỉnh sẽ được giải trình trong thuyết minh báo cáo tài chính khi được coi là trọng yếu.

Sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ với Công ty:

- Chưa thống nhất được giá trị cần nộp cho khoản tiền thuê đất chuyển đổi mục đích từ dự án trường học sang xây dựng khách sạn.

**THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN -  
 V. ĐƠN VỊ TÍNH: VND**

<b>1. Tiền</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Tiền mặt	<b>479,274,833</b>	<b>476,495,764</b>
<i>Tiền Việt Nam</i>	<i>479,274,833</i>	<i>476,495,764</i>
- Tiền gửi Ngân hàng	<b>74,931,529</b>	<b>1,339,536,502</b>
+ Tiền gửi Việt Nam đồng	<i>74,931,529</i>	<i>1,339,536,502</i>
<i>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển- CN Nghệ An</i>	<i>63,190,693</i>	<i>1,327,795,666</i>
<i>Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam-CN Vinh</i>	<i>11,740,836</i>	<i>11,740,836</i>
+ Tiền gửi Ngoại tệ	-	-
<b>Cộng</b>	<b>554,206,362</b>	<b>1,816,032,266</b>
<b>2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	-	-
Đầu tư ngắn hạn khác	<b>1,121,800,000</b>	<b>1,121,800,000</b>
Tiền gửi có kỳ hạn	<i>1,121,800,000</i>	<i>1,121,800,000</i>
<i>(*) Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn</i>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1,121,800,000</b>	<b>1,121,800,000</b>
<b>3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- <b>Phải thu của khách hàng</b>	<b>3,576,521,600</b>	<b>2,367,958,321</b>
Công ty CP Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương	<i>18,261,022</i>	<i>124,903,633</i>
Trần Hoàng Nghệ (Phải thu tiền bán CP Trung Long)	<i>1,797,924,688</i>	<i>1,797,924,688</i>
<i>Sở Kế hoạch và đầu tư Nghệ An</i>	<i>4,200,000</i>	<i>4,200,000</i>
<i>CLB Bóng Đá TCDK Sông Lam NA</i>		<i>11,025,000</i>
<i>Phải thu của khách hàng bên khách sạn chuyển qua</i>	<i>342,200,890</i>	<i>429,905,000</i>
<i>Phải thu Phải trả</i>	<i>432,877,000</i>	
<i>Phải thu sara Hitech</i>	<i>37,830,000</i>	
<i>Phải thu của học viên Khoá MPA-FTU)</i>	<i>943,228,000</i>	
<b>Phải thu khác</b>	<b>2,026,829,844</b>	<b>2,962,771,235</b>
<i>Công ty Hùng Phát</i>	-	<i>(29,480,000)</i>
<i>Phải thu cá nhân khác</i>	<i>541,604,747</i>	<i>592,170,000</i>
<i>Phải thu hợp đồng tài trợ bóng đá</i>	-	<i>1,080,000,000</i>

<i>Nguyễn Anh Tuấn (Tạm ứng tiền phục vụ cho VINAWINE)</i>	5,000,000	5,000,000
<i>Lợi nhuận từ các công ty góp vốn (Cty Truyền hình cáp NA)</i>	372,800,000	156,089,182
<i>Lợi nhuận thu từ góp vốn (Cty Đầu tư và phát triển SARA Hà Tĩnh)</i>	596,251,912	596,251,912
<i>Lợi nhuận từ góp vốn (Cty CP dược phẩm Nghệ An)</i>	25,963,200	17,308,800
<i>Phải thu khác ngắn hạn khác (lãi vay do chưa đủ vốn điều lệ)</i>	475,156,666	393,490,000
<i>Phải trả khác</i>	10,053,319	151,941,341
<i>Nợ tài khoản lương</i>	-	47,894,556
<i>Nợ tài khoản phải trả khác</i>	10,053,319	104,046,785
<b>- Trả trước cho người bán</b>	<b>7,326,116,098</b>	<b>6,512,409,185</b>
<i>SARA VN</i>	6,235,767,484	6,235,767,484
<i>Báo Nghệ An</i>	3,802,902	3,802,902
<i>Công ty Đông Nam</i>	298.000	298.000
<i>Công ty TNHH Thanh Hà</i>		15.000.000
<i>SARA Hitech</i>	254,995,344	254,995,344
<i>Công ty CP VINAKEN</i>	2.545.455	2.545.455
<i>Công ty TNHH Kiểm toán CPA</i>	52,000,000	
<i>Đối tượng khác</i>	776,706,913	
<b>Cộng</b>	<b>12,929,467,542</b>	<b>11,843,138,741</b>

<b>4. Hàng tồn kho</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Nguyên liệu, vật liệu		
- Công cụ, dụng cụ		-
- Chi phí SX, KD dở dang		
- Hàng hóa	523,294,934	385,262,807
<b>Cộng</b>	<b>523,294,934</b>	<b>385,262,807</b>

<b>5. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	-	-
Thuế GTGT được khấu trừ	50.203.696	
Thuế và các khoản phải thu nhà nước		
Tài sản ngắn hạn khác	<b>2,320,086,121</b>	<b>1,394,126,078</b>
- Phòng KD Sara Hitech ứng	724,866,581	724,866,581
- Ứng nội bộ Công ty	649,134,540	623,174,497
- Vũ Duy Sơn - Dự án nâng cấp trường Cao đẳng	300,000,000	
- Trần Khắc Chất - dự án Lào Việt	646,085,000	46,085,000
<b>Cộng</b>	<b>2,370,289,817</b>	<b>1,394,126,078</b>

**6.1. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	PTVT - truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá tài sản cố định						
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>15,305,002,312</b>	<b>1,107,791,740</b>	<b>761,447,818</b>	<b>258,907,269</b>	<b>138,275,230</b>	<b>17,571,424,369</b>
- Mua trong năm				23.636.364		23.636.364
- XDCB hoàn thành						
- Tăng khác						-
- Chuyển sang BDS đầu tư						-
- Thanh lý, nhượng bán						-
- Giảm khác	-					
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>15,305,002,312</b>	<b>1,107,791,740</b>	<b>761,447,818</b>	<b>282,543.633</b>	<b>138,275,230</b>	<b>17,595.060.733</b>
Giá trị hao mòn lũy kế						
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>1,930,184,763</b>	<b>868,578,310</b>	<b>106,045,644</b>	<b>86,583,839</b>	<b>27,007,515</b>	<b>3,018,400,072</b>
- Khấu hao trong năm	921.996.746	195.707.017	99.744.045	84.855.941	34.721.713	1.337.025.462
- Tăng khác						
- Chuyển sang BDS đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác	-					
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>2.852.181.509</b>	<b>1.064.285.327</b>	<b>205.789.689</b>	<b>171.439.781</b>	<b>61.729.228</b>	<b>4.355.425.534</b>
Giá trị còn lại của TSCĐ						
- Tại ngày đầu năm	13,374,817,549	239,213,430	655,402,174	172,323,429	111,267,715	14,553,024,297
- Tại ngày cuối năm	12.452.820.803	43.506.413	555.658.129	111.103.852	76.546.002	13.239.635.199

**6.2 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Chỉ tiêu	Chi phí Quyền sử dụng đất	TSCĐ vô hình khác	Cộng
----------	---------------------------	-------------------	------

<b>A Nguyên giá</b>			
1. Số dư đầu năm		<b>6,382,000,000</b>	<b>6,382,000,000</b>
2. Số tăng trong năm	-	<b>27.272.727</b>	<b>27.272.727</b>
- Mua trong năm	-	-	-
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp	-	-	-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-
- Tăng khác	-	<b>27.272.727</b>	<b>27.272.727</b>
3. Số giảm trong năm	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
4. Số dư cuối năm	-	<b>6.409.272.727</b>	<b>6.409.272.727</b>
<b>B Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
1. Số dư đầu năm		<b>797,750,000</b>	<b>797,750,000</b>
2. Số tăng trong năm	-	<b>992.750.000</b>	<b>992.750.000</b>
- Khấu hao trong năm		992.750.000	992.750.000
- Tăng khác		-	-
3. Số giảm trong năm	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán		-	-
- Giảm khác		-	-
4. Số dư cuối năm	-	<b>1.790.500.000</b>	<b>1.790.500.000</b>
<b>C Giá trị còn lại</b>			
1. Tại ngày đầu năm	-	<b>5,584,250,000</b>	<b>5,584,250,000</b>
2. Tại ngày cuối năm	-	<b>4.618.772.727</b>	<b>4.618.772.727</b>
<b>7 Chi phí XDCB dở dang</b>		<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Sửa chữa lớn TSCĐ		41,852,194	41,852,194
Chi phí mua sắm bên Lào		214,800,656	
Chi phí khác		80,392,988	
<b>Cộng</b>		<b>337.045.838</b>	<b>41,852,194</b>
<b>8 Đầu tư dài hạn khác</b>		<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Công ty Truyền hình cáp NA		3,000,000,000	3,000,000,000
Công ty cổ phần thương mại Hải Đăng		450,000,000	450,000,000
Công ty cổ phần Vinaken		2,000,000,000	2,000,000,000
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng SARA 425		2,000,000,000	2,000,000,000
Công ty CPĐT & PTCN SARA		4,400,000,000	4,400,000,000
Công ty cổ phần viễn thông SARA		1,700,000,000	1,700,000,000
Công ty cổ phần vận tải biển Đà Nẵng		787,500,000	787,500,000
Công ty cổ phần Trung Long		1,650,514,800	1,650,514,800
Công ty cổ phần SARA hitech		2,194,032,492	2,194,032,492
Công ty cổ phần Media		1,800,000,000	1,800,000,000
Công ty cổ phần CK SARA		3,900,000,000	3,900,000,000
Công ty cổ phần Vinawine		2,000,000,000	2,000,000,000



Công ty Hùng phát (Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư)	3,850,000,000	3,850,000,000
<b>Cộng</b>	<b>29,732,047,292</b>	<b>29,732,047,292</b>

(\*) Theo công văn ngày 27 tháng 01 năm 2010 Công ty đã gửi công văn yêu cầu đến các công ty: Cổ phần CK Sara, Cổ phần Sara JP (hùng phát), Cổ phần Sara Media, Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Sara, Cổ phần Vinawine, Cổ phần đầu tư xây dựng Sara 425, Cổ phần thương mại Hải Đăng và CP Vinaken, tổng giá trị đầu tư các Công ty này là 20,4 tỷ chiếm tỷ trọng 69% trên tổng số đầu tư dài hạn khác. Tuy nhiên đến thời điểm kiểm toán mới nhận bổ sung được Báo cáo tài chính Công ty cổ phần Vinaken với kết quả: Lỗ năm 2009 là 664.979.475 đồng và Lỗ Lũy kế 1.112.944.243 đồng; Công ty cổ phần thương mại Hải Đăng lãi năm 2009 là 19.125.274 và lỗ lũy kế 33.288.083 đồng;

Công ty không trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư

<b>9 Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ	-	-
- Chi phí cho giai đoạn triển khai không đủ tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ vô hình	-	-
- Chi phí trả trước dài hạn	1,306,270,070	1,804,491,882
- Chi phí trả trước dài hạn trường học	506,555,358	767,251,390
- Chi phí trả trước dài hạn khách sạn	635,597,008	809,820,624
- Chi phí trả trước công ty chứng khoán	164.117.704	197,348,230
- Chi phí trả trước văn phòng công ty		30,071,638
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>1.306.270.070</b>
		<b>1.804.491.882</b>

<b>10 Nợ ngắn hạn</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- <b>Phải trả người bán</b>	<b>2,565,724,884</b>	<b>1,170,597,739</b>
ĐH Thành Phố HCM	1,243,067,645	606,903,895
ĐH Hà Nội	84,000,000	84,000,000
Cty CP thiết bị tổng hợp máy Văn phòng Công ty Nam Long	469,861,711	469,861,711
Trường Cao Đẳng Dược Phú Thọ	-	9,832,133
Khách sạn	140,000,000	
Phải thu khác	68,696,229	
- <b>Người mua trả tiền trước</b>	<b>646,931,421</b>	<b>646,352,003</b>
Tại khách sạn	560,099,299	
Sở KHĐT (Phan Chí Thành)	108,591,421	108,012,003
Học viên	1,650,000	1,650,000
Thu tiền thuê xe	525,665,000	525,665,000
	11,025,000	11,025,000
<b>Cộng</b>	<b>3,212,656,305</b>	<b>1,816,949,742</b>

<b>11 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Thuế Giá trị gia tăng phải nộp		37,335,263

- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	(60.877.342)	(22,545,875)
<b>Cộng</b>	<b>(60.877.342)</b>	<b>14,789,388</b>
<b>12 Chi phí phải trả</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Phí dịch vụ kiểm toán BCTC 2009		54.545.455
Phí khác	4.550.000	
<b>Cộng</b>	<b>4.550.000</b>	<b>54.545.455</b>
<b>13 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
* Tài sản thừa chờ giải quyết		
* Kinh phí công đoàn	15,573,768	15,573,768
* Bảo hiểm xã hội, BHYT	-	2,709,260
* Khác	88,976,981	6,973,509
* Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn		
* Cổ tức phải trả	53,088,220	1,237,418,320
* Phải trả, phải nộp khác	84,438,601	725,866,581
* Tạm ứng khác	735,402,658	47,902,226
<b>Cộng</b>	<b>977,480,228</b>	<b>2,036,443,664</b>
<b>14 Vay và nợ dài hạn</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Nghệ An	1,000,000,000	1,750,000,000
Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	34,227,258	33,037,258
<b>Cộng</b>	<b>1,034,227,258</b>	<b>1,783,037,258</b>

**15. Tăng, giảm vốn chủ sở hữu**

Nội dung	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ đầu tư phát triển	LN sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>1. Số dư đầu năm trước</b>	<b>56,500,000,000</b>	-	-	<b>5,702,664,906</b>	<b>62,202,664,906</b>
- Tăng vốn trong năm trước					
- Lãi trong năm trước					
- Tăng khác	4.587.750.000	517.457.821	565.272.752		5.670.480.573
- Giảm khác				(5,672,498,159)	(5,672,498,159)
<b>2. Số dư cuối năm trước</b>	<b>61.087.750.000</b>	<b>517.457.821</b>	<b>565.272.752</b>	<b>30.166.747</b>	<b>62.200.647.320</b>
<b>3. Số dư đầu năm nay</b>	<b>61.087.750.000</b>	<b>517.457.821</b>	<b>565.272.752</b>	<b>30.166.747</b>	<b>62.200.647.320</b>
- Tăng vốn trong kỳ này					-
- Lãi trong kỳ				(1.058.529.905)	(1.058.529.905)

- Tăng khác					
- Giảm vốn trong kỳ này					
- Lỗi trong kỳ					
- Giảm khác			6.000.000		6.000.000
<b>4. Số dư cuối năm nay</b>	<b>61.087.750.000</b>	<b>517.457.821</b>	<b>559.272.752</b>	<b>(1.028.363.158)</b>	<b>61.136.117.415</b>

**Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận được chia:**

<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	61,087,750,000	56,500,000,000
Vốn góp tăng trong năm		4,587,750,000
Vốn góp giảm trong năm		
Vốn góp cuối năm	61,087,750,000	61,087,750,000
<b>Cổ phiếu</b>		
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành:	6,108,775	
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng:	6,108,775	6,108,775
Cổ phiếu phổ thông:	6,108,775	6,108,775
Cổ phiếu ưu đãi:		
Số lượng cổ phiếu được mua lại:	-	-
Cổ phiếu phổ thông:	-	-
Cổ phiếu ưu đãi:		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	6,108,775	6,108,775
Cổ phiếu phổ thông:	6,108,775	6,108,775
Cổ phiếu ưu đãi:		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/1 cổ phiếu

*Công ty chưa được niêm yết bổ sung 458.775 cổ phiếu với giá trị 4.587.750.000 đồng theo công văn số 778/TB-SGDHN ngày 22 tháng 12 năm 2009 của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc: chấp thuận nguyên tắc niêm yết cổ phiếu bổ sung của Công ty Cổ phần SARA.*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH ĐƠN VỊ TÍNH: VND**

<b>16 Tổng Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	<b>8,022,266,899</b>	<b>8,562,312,118</b>
Doanh thu hoạt động đào tạo	5,188,792,000	4,849,540,000
Doanh thu kinh doanh nhà hàng, khách sạn	2,239,992,721	2,428,917,896
Doanh thu kinh doanh khác	367,655,500	21,142,857
Doanh thu tài trợ bóng đá		1,080,000,000
Doanh thu hoạt động đại lý chứng khoán	225,826,678	182,711,365

	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	8,022,266,899	8,562,312,118
<b>17</b>	<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	Giá vốn hoạt động đào tạo	2,711,539,294	1,231,627,146
	Giá vốn nhà hàng, khách sạn	1,165,465,884	984,565,839
	Giá vốn kinh doanh khác	-	
	Giá vốn đại lý chứng khoán		
	<b>Cộng</b>	<b>3,877,005,178</b>	<b>2,216,192,985</b>
<b>18</b>	<b>Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	Lãi tiền gửi, tiền cho vay	47,220,027	312,892,129
	Cổ tức lợi nhuận được chia	398,763,200	1,146,806,402
	<b>Cộng</b>	<b>445,983,227</b>	<b>1,459,698,531</b>
<b>19</b>	<b>Chi phí hoạt động tài chính</b>		
<b>20</b>	<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	<b>Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế</b>		
	<b>Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận/(lỗ) theo kế toán</b>	<b>(975.665.403)</b>	<b>1,719,756,433</b>
	<b>Các khoản điều chỉnh tăng</b>		
	Các khoản khác		
	Chi phí quảng cáo vượt quá mức cho phép		
	Chi phí đóng góp từ thiện		
	Doanh thu chưa thực hiện tính vào năm thu nhập chịu thuế		
	Chi phí liên quan đến các khoản doanh thu chịu thuế năm trước		
	Thay đổi trong dự phòng phải thu khó đòi		
	Thay đổi dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
	Chi thù lao hội đồng quản trị không điều hành sản xuất		
	<b>Các khoản điều chỉnh giảm</b>	<b>82.864.589</b>	<b>1,164,097,894</b>
	Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		<b>1,164,097,894</b>
	Thuế thu nhập tạm tính không phải nộp	<b>82.864.589</b>	
	Chi phí liên quan đến doanh thu chưa thực hiện		
	Lợi nhuận đã tính thuế TNDN năm trước		
	<b>Lợi nhuận/(lỗ) điều chỉnh chưa trừ chuyển lỗ và trước thuế</b>	<b>(1.058.529.992)</b>	<b>555.658.539</b>
	Lỗ năm trước chuyển sang		

<b>Thu nhập chịu thuế ước tính năm nay</b>	-	-
Thuế TNDN ước tính năm nay		<b>155,584,391</b>
Thuế TNDN được miễn/giảm		155,584,391
Thuế TNDN bổ sung		
<b>Chi phí thuế TNDN năm nay</b>	-	-
Thuế TNDN phải trả đầu năm	(22,545,874)	1,690,002,099
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu/(thừa) năm trước		
Thuế TNDN đã trả trong năm	38.331.467	1,712,547,973
<b>Thuế TNDN phải trả cuối năm</b>	<b>(60.877.341)</b>	<b>(22,545,874)</b>

<b>21 Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.058.529.992)	1,719,756,433
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi		
- Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi với giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu.		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(1.058.529.992)	1,719,756,433
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	6.108.775	5,650,000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(173)</b>	<b>304</b>
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	6.108.778	5,650,000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành bổ sung	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	6.108.778	5,650,000
<i>Công ty chưa được niêm yết bổ sung 458.775 cổ phiếu với giá trị 4.587.750.000 đồng theo công văn số 778/TB-SGDHN ngày 22 tháng 12 năm 2009 của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc: chấp thuận nguyên tắc niêm yết cổ phiếu bổ sung của Công ty Cổ phần SARA.</i>		

## VII. Những thông tin khác

- Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và thông tin tài chính khác**
- Những sự kiện phát sinh sau ngày khoá sổ**
- Thông tin về các bên liên quan**

### *Các bên liên quan với công ty gồm:*

### *Mối quan hệ*

1. Công ty cổ phần SARA Việt Nam	Cùng bị kiểm soát bởi chủ tịch Hội đồng quản trị là ông Trần khắc Hùng
2. Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển công nghệ SARA	Cùng bị kiểm soát bởi chủ tịch Hội đồng quản trị là ông Trần khắc Hùng

3. Công ty cổ phần viễn thông SARA	Bên liên kết
4. Công ty Truyền hình cáp NA	Bên liên kết
5. Công ty cổ phần thương mại Hải Đăng	Bên liên kết
6. Công ty cổ phần Vinaken	Bên liên kết
7. Công ty cổ phần đầu tư xây dựng SARA 425	Bên liên kết
8. Công ty cổ phần vận tải biển Đà Nẵng	Bên liên kết
9. Công ty cổ phần Trung Long	Bên liên kết
10. Công ty cổ phần SARA hitech	Bên liên kết
11. Công ty cổ phần Media	Cùng bị kiểm soát bởi chủ tịch Hội đồng quản trị là ông Trần khắc Hùng
12. Công ty cổ phần CK SARA	Cùng bị kiểm soát bởi chủ tịch Hội đồng quản trị là ông Trần khắc Hùng
13. Công ty cổ phần Vinawine	Bên liên kết
14. Công ty cổ phần Hùng Phát	Bên liên kết

**Tại ngày 01 tháng 01 năm 2009, công nợ với các bên liên quan như sau:**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Nội dung giao dịch</b>	<b>VND</b>
<b>Nợ phải thu khách hàng</b>		
1. Công ty cổ phần SARA Việt Nam	6,235,767,484	6,235,767,484
2. Đội bóng đá SARA thành Vinh	-	1,080,000,000
3. Công ty Hùng Phát	-	537,318,000
4. Cty Truyền hình cáp NA	360,000,000	156,089,182
5. Cty Đầu tư và phát triển SARA Hà Tĩnh	596,251,912	596,251,912
6. Cty CP dược phẩm Nghệ An	25,963,200	17,308,800
7. SARA Hitech	254,995,344	254,995,344

**Giao dịch với các bên liên quan trong năm 2009**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Nội dung giao dịch</b>	<b>VND</b>
<b>Nợ phải thu khác</b>		
1. Thu tiền tài trợ bóng đá các công ty trong đó tiền gửi ngân hàng 400 triệu còn lại thu tiền mặt	Thu tiền tài trợ bóng đá	1,080,000,000
2. Trường Cao Đẳng Lào Việt	Đầu tư xây dựng trường	860,085,000
<b>Đầu tư dài hạn (Xem thuyết minh đầu tư dài hạn)</b>		<b>29.732.047.292</b>

#### **4 Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPAHANOI).

## 5 Bảng đánh giá khái quát tình hình tài chính của Công ty

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
1. Bố trí cơ cấu tài sản và nguồn vốn		
1.1. Bố trí cơ cấu tài sản		
- TS ngắn hạn/ tổng tài sản	26.22%	24.26%
- TS dài hạn/ tổng tài sản	73.78%	75.74%
1.2. Bố trí cơ cấu vốn		
- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	8.08%	8.36%
- Vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	91.92%	91.64%
2. Khả năng thanh toán		
2.1. Khả năng thanh toán tổng quát	12.37	11.97
2.2. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	4.01	4.22
2.3. Khả năng thanh toán nhanh	3.89	4.12
3. Tỷ suất sinh lời		
3.1. Suất sinh lời trên doanh thu		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế /Doanh thu	-13.19%	20.09%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /Doanh thu	-13.19%	20.09%
3.2. Suất sinh lời của tài sản		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế /Tổng tài sản	-1.59%	2.52%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /Tổng tài sản	-1.59%	2.52%
3.3. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	-1.73%	2.75%
6 Những thông tin khác: Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện mục tiêu, phương hướng hoạt động kinh doanh theo Nghị quyết đại hội cổ đông hàng năm đã đề ra. Thông tin về thuế: Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế.		
7 Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.		

Kế toán trưởng

Nghệ An, ngày 31 tháng 03 năm 2010

Tổng Giám đốc

**Lê Thị Thu Hiền**

**Vũ Duy Sơn**